

Đ/e Mới sau đ'ng tang t'.

31/11/2016

BỘ TƯ PHÁP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 3512/TCBC-BTP

Hà Nội, ngày 10 tháng 10 năm 2016

kgp TTKC đ'ng t' 3/11

THÔNG CÁO BÁO CHÍ

**Văn bản quy phạm pháp luật do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ
ban hành trong tháng 9 năm 2016**

Thực hiện khoản 2, khoản 3 Điều 12 Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật, Bộ Tư pháp ra Thông cáo báo chí về văn bản quy phạm pháp luật do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành trong tháng 9 năm 2016 như sau:

I. SỐ LƯỢNG VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT ĐƯỢC BAN HÀNH

Trong tháng 9 năm 2016, Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ đã ban hành 20 văn bản quy phạm pháp luật, gồm 16 Nghị định của Chính phủ và 04 Quyết định của Thủ tướng Chính phủ. Cụ thể:

Các Nghị định của Chính phủ:

1. Nghị định số 122/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ Biểu thuế xuất khẩu, Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi, Danh mục hàng hóa và mức thuế tuyệt đối, thuế hỗn hợp, thuế nhập khẩu ngoài hạn ngạch thuế quan.

2. Nghị định số 123/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ, cơ quan ngang Bộ.

3. Nghị định số 124/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt để thực hiện Hiệp định thương mại song phương giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào.

4. Nghị định số 125/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Hiệp định giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Nhật Bản về Đối tác kinh tế giai đoạn 2016 - 2019.

5. Nghị định số 126/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Hiệp định Thương mại hàng hóa ASEAN - Ấn Độ giai đoạn 2016 - 2018.

6. Nghị định số 127/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Hiệp định thành lập Khu vực Thương mại tự do ASEAN - Ôt-xtrây-li-a - Niu Di-lân giai đoạn 2016 - 2018.

7. Nghị định số 128/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Hiệp định Thương mại hàng hóa ASEAN - Trung Quốc giai đoạn 2016 - 2018.

8. Nghị định số 129/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Hiệp định Thương mại Hàng hóa ASEAN giai đoạn 2016 - 2018.

9. Nghị định số 130/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Hiệp định Thương mại Hàng hóa ASEAN - Hàn Quốc giai đoạn 2016 - 2018.

10. Nghị định số 131/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Hiệp định Thương mại Tự do Việt Nam - Hàn Quốc giai đoạn 2016 - 2018.

11. Nghị định số 132/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Hiệp định Thương mại tự do giữa Việt Nam và Chi Lê giai đoạn 2016 - 2018.

12. Nghị định số 133/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Hiệp định Đối tác kinh tế toàn diện ASEAN - Nhật Bản giai đoạn 2016 - 2019.

13. Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu.

14. Nghị định số 135/2016/NĐ-CP ngày 09 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định về thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuê mặt nước.

15. Nghị định số 136/2016/NĐ-CP ngày 09 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 221/2013/NĐ-CP ngày 30

tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.

16. Nghị định số 137/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Hiệp định Thương mại tự do giữa một bên là Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và bên kia là Liên minh Kinh tế Á - Âu và các nước thành viên giai đoạn 2016 - 2018.

Các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ:

1. Quyết định số 36/2016/QĐ-TTg ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ quy định việc áp dụng thuế suất thông thường đối với hàng hóa nhập khẩu.

2. Quyết định số 38/2016/QĐ-TTg ngày 14 tháng 9 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành một số chính sách bảo vệ, phát triển rừng và đầu tư hỗ trợ kết cấu hạ tầng, giao nhiệm vụ công ích đối với các công ty nông, lâm nghiệp.

3. Quyết định số 39/2016/QĐ-TTg ngày 16 tháng 9 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc bãi bỏ Quyết định số 67/2011/QĐ-TTg ngày 12 tháng 12 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Quy chế quản lý thống nhất các hoạt động đối ngoại của Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

4. Quyết định số 40/2016/QĐ-TTg ngày 22 tháng 9 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc mở rộng Khu kinh tế cửa khẩu Lào Cai, tỉnh Lào Cai.

II. HIỆU LỰC THI HÀNH, SỰ CẦN THIẾT, MỤC ĐÍCH BAN HÀNH VÀ NỘI DUNG CHỦ YẾU CỦA CÁC VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

1. Nghị định số 122/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ Biểu thuế xuất khẩu, Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi, Danh mục hàng hóa và mức thuế tuyệt đối, thuế hỗn hợp, thuế nhập khẩu ngoài hạn ngạch thuế quan.

a) **Hiệu lực thi hành:** 01/9/2016.

Nghị định này bãi bỏ: (1) Quyết định số 36/2011/QĐ-TTg ngày 29/6/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành mức thuế nhập khẩu đối với mặt hàng xe ô tô chở người từ 15 chỗ ngồi trở xuống (kể cả lái xe) đã qua sử dụng;

(2) Quyết định số 24/2013/QĐ-TTg ngày 03/5/2013 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 1 Quyết định số 36/2011/QĐ-TTg; (3) Thông tư số 111/2012/TT-BTC ngày 04/7/2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Danh mục hàng hóa và thuế suất thuế nhập khẩu để áp dụng hạn ngạch thuế quan; (4) Thông tư số 80/2014/TT-BTC ngày 23/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 111/2012/TT-BTC; (5) Thông tư số 182/2015/TT-BTC ngày 16/11/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Biểu thuế xuất khẩu, Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi theo danh mục mặt hàng chịu thuế; (6) Thông tư số 05/2016/TT-BTC ngày 13/01/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi mức thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đối với một số hàng hóa môi trường trong APEC thuộc nhóm 84.19 và 84.21 tại Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi; (7) Thông tư số 16/2016/TT-BTC ngày 21/01/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi mức thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đối với một số mặt hàng thuộc nhóm 27.07, 29.02, 39.02 tại Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi; (8) Thông tư số 25/2016/TT-BTC ngày 16/02/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi mức thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đối với mặt hàng Diamoni hydro orthophosphat (diamoni phosphat) thuộc mã hàng 3105.30.00 tại Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi; (9) Thông tư số 31/2016/TT-BTC ngày 23/02/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính bổ sung mặt hàng dung môi N-Hexan dùng trong sản xuất khô dầu đậu tương và dầu thực vật, cám gạo trích ly và dầu cám vào Chương 98 của Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi; (10) Thông tư số 48/2016/TT-BTC ngày 17/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi mức thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đối với một số mặt hàng xăng, dầu thuộc nhóm 27.10 tại Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi; (11) Thông tư số 51/2016/TT-BTC ngày 18/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung danh mục nhóm mặt hàng và mức thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi riêng đối với mặt hàng sắt hoặc thép để sản xuất tanh lớp xe thuộc Chương 98 của Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi ban hành kèm theo Thông tư số 182/2015/TT-BTC; (12) Thông tư số 73/2016/TT-BTC ngày 20/5/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung mức thuế suất thuế xuất khẩu đối với mặt hàng than làm từ mùn cưa thuộc nhóm 44.02 tại Biểu thuế xuất khẩu ban hành kèm theo Thông tư số 182/2015/TT-BTC; (13) Thông tư số 98/2016/TT-BTC ngày 29/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính bổ sung danh mục nhóm mặt hàng và mức thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi riêng đối với mặt hàng trứng Artemia vào Chương 98 của Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi ban hành kèm theo Thông tư số 182/2015/TT-BTC.

b) Sự cần thiết, mục đích ban hành: Nghị định được ban hành để triển khai thi hành, đảm bảo phù hợp với các quy định của Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu.

c) Nội dung chủ yếu: Nghị định gồm 09 điều, ban hành Biểu thuế xuất khẩu, Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi, Danh mục hàng hóa và mức thuế tuyệt đối, thuế hỗn hợp và thuế nhập khẩu ngoài hạn ngạch thuế quan.

Nghị định này áp dụng đối với: (1) Người nộp thuế theo quy định của Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu; (2) Cơ quan hải quan, công chức hải quan; (3) Tổ chức, cá nhân có quyền và nghĩa vụ liên quan đến hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu.

Nghị định quy định cụ thể về Biểu thuế xuất khẩu theo danh mục mặt hàng chịu thuế; Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi theo danh mục mặt hàng chịu thuế; thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đối với các mặt hàng máy gia công cơ khí và hóa dầu; thuế nhập khẩu đối với mặt hàng xe ô tô đã qua sử dụng; Danh mục hàng hóa và mức thuế suất thuế nhập khẩu ngoài hạn ngạch thuế quan đối với các mặt hàng thuộc diện áp dụng hạn ngạch thuế quan; tổ chức thực hiện.

2. Nghị định số 123/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ, cơ quan ngang Bộ.

a) Hiệu lực thi hành: 15/10/2016.

Nghị định này thay thế Nghị định số 36/2012/NĐ-CP ngày 18/4/2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ, cơ quan ngang Bộ.

b) Sự cần thiết, mục đích ban hành: Nghị định được ban hành nhằm tạo cơ sở pháp lý, làm khung pháp lý để Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các Bộ, cơ quan ngang Bộ trong thời gian tới.

c) Nội dung chủ yếu: Nghị định gồm 05 chương, 32 điều, quy định chung về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của Bộ, cơ quan ngang Bộ; nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ (chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể về quản lý ngành, lĩnh vực của Bộ, cơ quan ngang Bộ thực hiện theo Nghị định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của từng Bộ, cơ quan ngang Bộ).

Các quy định về cơ cấu tổ chức của Bộ tại Nghị định này không áp dụng đối với Bộ Quốc phòng, Bộ Công an.

Nghị định quy định cụ thể về vị trí, chức năng và cơ cấu tổ chức của Bộ, cơ quan ngang Bộ; Bộ trưởng, Thứ trưởng, Phó Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ; nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Bộ; nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ, cơ quan ngang Bộ về: pháp luật; chiến lược, quy hoạch, kế hoạch; hợp tác quốc tế; cải cách hành chính; quản lý nhà nước các dịch vụ sự nghiệp công thuộc ngành, lĩnh vực; doanh nghiệp, hợp tác xã và các loại hình kinh tế tập thể, tư nhân khác; hội, tổ chức phi Chính phủ; tổ chức bộ máy, biên chế công chức và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập; cán bộ, công chức, viên chức; kiểm tra, thanh tra; quản lý tài chính, tài sản; nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ trưởng đối với Bộ và trong mối quan hệ với các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, chính quyền địa phương; trách nhiệm của Bộ trưởng đối với Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội, các cơ quan của Quốc hội, đại biểu Quốc hội, cử tri, Nhân dân và các tổ chức chính trị - xã hội; điều khoản thi hành.

3. Nghị định số 124/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt để thực hiện Hiệp định thương mại song phương giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào.

a) Hiệu lực thi hành: Từ ngày 01/09/2016 đến ngày 03/10/2020.

Bãi bỏ Thông tư số 216/2015/TT-BTC ngày 31/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế suất thuế nhập khẩu để thực hiện Hiệp định thương mại song phương giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào.

b) Sự cần thiết, mục đích ban hành: Nghị định được ban hành nhằm phù hợp với đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước; thực hiện đúng quy định của Hiệp định thương mại Việt Nam - Lào, đảm bảo tính tương thích của Nghị định với điều ước quốc tế mà Việt Nam ký kết; bảo đảm phù hợp với Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu.

c) Nội dung chủ yếu: Nghị định gồm 08 điều, ban hành Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt để thực hiện Hiệp định thương mại song phương giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào ký tại Viêng-chăn ngày 03/3/2015 và điều kiện được

hưởng mức thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt theo Hiệp định thương mại Việt Nam - Lào; ban hành Danh mục hàng hóa có xuất xứ từ Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào theo Hiệp định thương mại Việt Nam - Lào (kèm theo 03 phụ lục).

Nghị định này áp dụng đối với: (1) Người nộp thuế theo quy định của Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu; (2) Cơ quan hải quan, công chức hải quan; (3) Tổ chức, cá nhân có quyền và nghĩa vụ liên quan đến hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu.

Nghị định quy định cụ thể về Danh mục hàng hóa có xuất xứ từ Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào theo Hiệp định thương mại Việt Nam - Lào; hàng hóa nhập khẩu được hưởng ưu đãi giảm 50% thuế suất thuế nhập khẩu ATIGA (thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Hiệp định Thương mại hàng hóa ASEAN); hàng hóa nhập khẩu được áp dụng mức thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt 0%; hàng hóa nhập khẩu áp dụng chế độ hạn ngạch thuế quan; hiệu lực thi hành và tổ chức thực hiện.

4. Nghị định số 125/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Hiệp định giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Nhật Bản về Đối tác kinh tế giai đoạn 2016 - 2019.

a) Hiệu lực thi hành: 01/09/2016.

Bãi bỏ Thông tư số 25/2015/TT-BTC ngày 14/02/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Hiệp định Đối tác kinh tế Việt Nam - Nhật Bản giai đoạn 2015 -2019.

b) Sự cần thiết, mục đích ban hành: Nghị định được ban hành để thực hiện Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu năm 2016; đảm bảo đúng thẩm quyền ban hành Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt (được quy định trong Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu), trong đó có Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Hiệp định giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Nhật Bản về Đối tác kinh tế; đảm bảo tính đồng bộ của hệ thống pháp luật hiện hành.

c) Nội dung chủ yếu: Nghị định gồm 07 điều, quy định về thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Hiệp định giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Nhật Bản về Đối tác kinh tế giai đoạn 2016 -

2019 và điều kiện được hưởng thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt theo Hiệp định này.

Nghị định này áp dụng đối với: (1) Người nộp thuế theo quy định của Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu; (2) Cơ quan hải quan, công chức hải quan; (3) Tổ chức, cá nhân có quyền và nghĩa vụ liên quan đến hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu.

Nghị định quy định cụ thể về Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt; điều kiện áp dụng thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt; hàng hóa từ khu phi thuế quan của Việt Nam; hiệu lực và trách nhiệm thi hành.

5. Nghị định số 126/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Hiệp định Thương mại hàng hóa ASEAN - Ấn Độ giai đoạn 2016 - 2018.

a) Hiệu lực thi hành: 01/09/2016.

Bãi bỏ Thông tư số 169/2014/TT-BTC ngày 14/11/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Hiệp định Thương mại hàng hóa ASEAN - Ấn Độ giai đoạn 2015 - 2018.

b) Sự cần thiết, mục đích ban hành: Nghị định được ban hành để thực hiện Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu năm 2016; đảm bảo đúng thẩm quyền ban hành Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt (được quy định trong Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu), trong đó có Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Hiệp định Thương mại hàng hóa ASEAN - Ấn Độ; đảm bảo tính đồng bộ của hệ thống pháp luật hiện hành.

c) Nội dung chủ yếu: Nghị định gồm 06 điều, quy định về thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt để thực hiện Hiệp định Thương mại hàng hóa ASEAN - Ấn Độ thuộc Hiệp định Khung về Hợp tác Kinh tế Toàn diện ASEAN - Ấn Độ và điều kiện được hưởng thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt theo Hiệp định này.

Nghị định này áp dụng đối với: (1) Người nộp thuế theo quy định của Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu; (2) Cơ quan hải quan, công chức hải quan; (3) Tổ chức, cá nhân có quyền và nghĩa vụ liên quan đến hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu.

Nghị định ban hành kèm theo Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Hiệp định Thương mại hàng hóa ASEAN - Ấn Độ giai

đoạn 2016 - 2018 và quy định cụ thể về điều kiện áp dụng thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt; hiệu lực và trách nhiệm thi hành.

6. Nghị định số 127/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Hiệp định thành lập Khu vực Thương mại tự do ASEAN - Ôt-xtrây-li-a - Niu Di-lân giai đoạn 2016 - 2018.

a) Hiệu lực thi hành: 01/09/2016.

Bãi bỏ Thông tư số 168/2014/TT-BTC ngày 14/11/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Hiệp định thành lập Khu vực Thương mại tự do ASEAN - Ôt-xtrây-li-a - Niu Di-lân giai đoạn 2015 - 2018.

b) Sự cần thiết, mục đích ban hành: Nghị định được ban hành để thực hiện Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu năm 2016; đảm bảo đúng thẩm quyền ban hành Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt (được quy định trong Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu), trong đó có Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt theo Hiệp định thành lập Khu vực Thương mại tự do ASEAN - Ôt-xtrây-li-a - Niu Di-lân; đảm bảo tính đồng bộ của hệ thống pháp luật hiện hành.

c) Nội dung chủ yếu: Nghị định gồm 06 điều, quy định về thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Hiệp định thành lập Khu vực Thương mại tự do ASEAN - Ôt-xtrây-li-a - Niu Di-lân giai đoạn 2016 - 2018 và điều kiện được hưởng thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt theo Hiệp định này.

Nghị định này áp dụng đối với: (1) Người nộp thuế theo quy định của Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu; (2) Cơ quan hải quan, công chức hải quan; (3) Tổ chức, cá nhân có quyền và nghĩa vụ liên quan đến hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu.

Nghị định ban hành kèm theo Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam và Danh mục hàng hóa áp dụng thuế suất thuế nhập khẩu ngoài hạn ngạch của Việt Nam để thực hiện Hiệp định thành lập Khu vực Thương mại tự do ASEAN - Ôt-xtrây-li-a - Niu Di-lân giai đoạn 2016 - 2018 và quy định cụ thể về điều kiện áp dụng thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt; hiệu lực và trách nhiệm thi hành.

7. Nghị định số 128/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Hiệp định Thương mại hàng hóa ASEAN - Trung Quốc giai đoạn 2016 - 2018.

a) Hiệu lực thi hành: 01/09/2016.

Bãi bỏ Thông tư số 166/2014/TT-BTC ngày 14/11/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc ban hành Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Hiệp định Thương mại hàng hóa ASEAN - Trung Quốc giai đoạn 2015 - 2018.

b) Sự cần thiết, mục đích ban hành: Nghị định được ban hành để thực hiện Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu năm 2016; đảm bảo đúng thẩm quyền ban hành Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt (được quy định trong Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu), trong đó có Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Hiệp định Thương mại hàng hóa thuộc Hiệp định Khung về Hợp tác Kinh tế Toàn diện giữa ASEAN và Trung Quốc; đảm bảo tính đồng bộ của hệ thống pháp luật hiện hành.

c) Nội dung chủ yếu: Nghị định gồm 06 điều, quy định về thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Hiệp định Thương mại hàng hóa ASEAN - Trung Quốc và điều kiện được hưởng thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt theo Hiệp định này.

Nghị định này áp dụng đối với: (1) Người nộp thuế theo quy định của Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu; (2) Cơ quan hải quan, công chức hải quan; (3) Tổ chức, cá nhân có quyền và nghĩa vụ liên quan đến hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu.

Nghị định ban hành kèm theo Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Hiệp định Thương mại hàng hóa ASEAN - Trung Quốc giai đoạn 2016 - 2018 và quy định điều kiện áp dụng thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt; hiệu lực và trách nhiệm thi hành.

8. Nghị định số 129/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Hiệp định Thương mại Hàng hóa ASEAN giai đoạn 2016 - 2018.

a) Hiệu lực thi hành: 01/09/2016.

Bãi bỏ Thông tư số 165/2014/TT-BTC ngày 14/11/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Hiệp định Thương mại Hàng hóa ASEAN giai đoạn 2015 - 2018.

b) Sự cần thiết, mục đích ban hành: Nghị định được ban hành để thực hiện Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu năm 2016; đảm bảo đúng thẩm quyền ban hành Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt (được quy định trong Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu), trong đó có Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt theo Hiệp định Thương mại Hàng hóa ASEAN; đảm bảo tính đồng bộ của hệ thống pháp luật hiện hành.

c) Nội dung chủ yếu: Nghị định gồm 06 điều, quy định về thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Hiệp định Thương mại Hàng hóa ASEAN giai đoạn 2016 - 2018 và điều kiện được hưởng thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt theo Hiệp định này.

Nghị định này áp dụng đối với: (1) Người nộp thuế theo quy định của Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu; (2) Cơ quan hải quan, công chức hải quan; (3) Tổ chức, cá nhân có quyền và nghĩa vụ liên quan đến hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu.

Nghị định ban hành kèm theo Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Hiệp định Thương mại Hàng hóa ASEAN giai đoạn 2016 - 2018 và quy định điều kiện áp dụng thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt; hiệu lực và trách nhiệm thi hành.

9. Nghị định số 130/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Hiệp định Thương mại Hàng hóa ASEAN - Hàn Quốc giai đoạn 2016 - 2018.

a) Hiệu lực thi hành: 01/09/2016.

Bãi bỏ Thông tư số 167/2014/TT-BTC ngày 14/11/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Hiệp định Thương mại Hàng hóa ASEAN - Hàn Quốc giai đoạn 2015 - 2018 và Thông tư số 44/2015/TT-BTC ngày 30/3/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt đối với một số nhóm mặt hàng trong Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt ASEAN - Hàn Quốc giai đoạn 2015 - 2018.

b) Sự cần thiết, mục đích ban hành: Nghị định được ban hành để thực hiện Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu năm 2016; đảm bảo đúng thẩm quyền ban hành Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt (được quy định trong Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu), trong đó có Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Hiệp định Thương mại Hàng hóa thuộc Hiệp định Khung về Hợp tác Kinh tế Toàn diện ASEAN - Hàn Quốc; đảm bảo tính đồng bộ của hệ thống pháp luật hiện hành.

c) Nội dung chủ yếu: Nghị định gồm 07 điều, quy định về thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt để thực hiện Hiệp định Thương mại Hàng hóa ASEAN - Hàn Quốc thuộc Hiệp định Khung về Hợp tác Kinh tế Toàn diện ASEAN - Hàn Quốc và điều kiện được hưởng thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt theo Hiệp định này.

Nghị định này áp dụng đối với: (1) Người nộp thuế theo quy định của Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu; (2) Cơ quan hải quan, công chức hải quan; (3) Tổ chức, cá nhân có quyền và nghĩa vụ liên quan đến hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu.

Nghị định ban hành kèm theo Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Hiệp định Thương mại Hàng hóa ASEAN - Hàn Quốc giai đoạn 2016 - 2018 và quy định điều kiện áp dụng thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt; hàng hóa sản xuất tại Khu công nghiệp Khai Thành thuộc lãnh thổ Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Triều Tiên; hiệu lực và trách nhiệm thi hành.

10. Nghị định số 131/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Hiệp định Thương mại Tự do Việt Nam - Hàn Quốc giai đoạn 2016 - 2018.

a) Hiệu lực thi hành: 01/09/2016.

Bãi bỏ Thông tư số 201/2015/TT-BTC ngày 16/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Hiệp định Thương mại Tự do giữa Việt Nam và Hàn Quốc giai đoạn 2015 - 2018.

b) Sự cần thiết, mục đích ban hành: Nghị định được ban hành để thực hiện Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu năm 2016; đảm bảo đúng thẩm quyền ban hành Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt (được quy định trong Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu), trong đó có Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt

của Việt Nam để thực hiện Hiệp định Thương mại Tự do Việt Nam - Hàn Quốc; đảm bảo tính đồng bộ của hệ thống pháp luật hiện hành.

c) Nội dung chủ yếu: Nghị định gồm 08 điều, quy định về thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Hiệp định Thương mại Tự do Việt Nam - Hàn Quốc giai đoạn 2016 - 2018 và điều kiện được hưởng thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt theo Hiệp định này.

Nghị định này áp dụng đối với: (1) Người nộp thuế theo quy định của Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu; (2) Cơ quan hải quan, công chức hải quan; (3) Tổ chức, cá nhân có quyền và nghĩa vụ liên quan đến hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu.

Nghị định ban hành kèm theo Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Hiệp định Thương mại Tự do Việt Nam - Hàn Quốc giai đoạn 2016 - 2018 và quy định về điều kiện áp dụng thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt; hàng hóa từ khu phi thuế quan của Việt Nam; hàng hóa sản xuất tại Khu công nghiệp Khai Thành thuộc lãnh thổ Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Triều Tiên; hiệu lực và trách nhiệm thi hành.

11. Nghị định số 132/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Hiệp định Thương mại tự do giữa Việt Nam và Chi Lê giai đoạn 2016 - 2018.

a) Hiệu lực thi hành: 01/09/2016.

Bãi bỏ Thông tư số 162/2013/TT-BTC ngày 15/11/2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Hiệp định Thương mại tự do giữa Việt Nam và Chi Lê giai đoạn 2014 - 2016.

b) Sự cần thiết, mục đích ban hành: Nghị định được ban hành để thực hiện Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu năm 2016; đảm bảo đúng thẩm quyền ban hành Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt (được quy định trong Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu), trong đó có Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Hiệp định Thương mại tự do giữa Việt Nam và Chi Lê; đảm bảo tính đồng bộ của hệ thống pháp luật hiện hành.

c) Nội dung chủ yếu: Nghị định gồm 07 điều, quy định về thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Hiệp định Thương mại tự do giữa Việt Nam và Chi Lê giai đoạn 2016 - 2018 và điều kiện được hưởng thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt theo Hiệp định này.

Nghị định này áp dụng đối với: (1) Người nộp thuế theo quy định của Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu; (2) Cơ quan hải quan, công chức hải quan; (3) Tổ chức, cá nhân có quyền và nghĩa vụ liên quan đến hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu.

Nghị định ban hành kèm theo Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Hiệp định Thương mại tự do giữa Việt Nam và Chi Lê giai đoạn 2016 - 2018 và quy định cụ thể về điều kiện áp dụng thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt; hàng hóa từ khu phi thuế quan của Việt Nam; hiệu lực và trách nhiệm thi hành.

12. Nghị định số 133/2016/ND-CP ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Hiệp định Đối tác kinh tế toàn diện ASEAN - Nhật Bản giai đoạn 2016 - 2019.

a) Hiệu lực thi hành: 01/09/2016.

Bãi bỏ Thông tư số 24/2015/TT-BTC ngày 14/02/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Hiệp định Đối tác kinh tế toàn diện ASEAN - Nhật Bản giai đoạn 2015 - 2019.

b) Sự cần thiết, mục đích ban hành: Nghị định được ban hành để thực hiện Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu năm 2016; đảm bảo đúng thẩm quyền ban hành Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt (được quy định trong Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu), trong đó có Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Hiệp định Đối tác kinh tế toàn diện ASEAN - Nhật Bản; đảm bảo tính đồng bộ của hệ thống pháp luật hiện hành.

c) Nội dung chủ yếu: Nghị định gồm 06 điều, quy định về thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Hiệp định Đối tác kinh tế toàn diện ASEAN - Nhật Bản giai đoạn 2016 - 2019 và điều kiện được hưởng thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt theo Hiệp định này.

Nghị định này áp dụng đối với: (1) Người nộp thuế theo quy định của Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu; (2) Cơ quan hải quan, công chức hải quan; (3) Tổ chức, cá nhân có quyền và nghĩa vụ liên quan đến hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu.

Nghị định ban hành kèm theo Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Hiệp định Đối tác kinh tế toàn diện ASEAN - Nhật Bản

giai đoạn 2016 - 2019 và quy định cụ thể về điều kiện áp dụng thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt; hiệu lực và trách nhiệm thi hành.

13. Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu.

a) Hiệu lực thi hành: 01/09/2016.

Nghị định này thay thế Nghị định số 87/2010/NĐ-CP ngày 13/8/2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và bãi bỏ quy định về miễn thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu tại Quyết định số 31/2015/QĐ-TTg ngày 04/8/2015, Quyết định số 52/2015/QĐ-TTg ngày 20/10/2015, Quyết định số 53/2013/QĐ-TTg ngày 13/9/2013 và Điều 7 Quyết định số 219/2009/QĐ-TTg ngày 01/10/2009 của Thủ tướng Chính phủ.

b) Sự cần thiết, mục đích ban hành: Nghị định được ban hành để triển khai thi hành và bảo đảm phù hợp với các quy định của Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu.

c) Nội dung chủ yếu: Nghị định gồm 03 chương, 40 điều, ban hành kèm theo 07 phụ lục, quy định về đối tượng chịu thuế; áp dụng thuế suất thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, thời hạn nộp thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; miễn thuế, giảm thuế, hoàn thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu.

Nghị định này áp dụng đối với: (1) Người nộp thuế theo quy định của Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu; (2) Cơ quan hải quan, công chức hải quan; (3) Tổ chức, cá nhân có quyền và nghĩa vụ liên quan đến hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; (4) Cơ quan, tổ chức có liên quan đến việc thực hiện các quy định của Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu.

Nghị định quy định cụ thể về đối tượng chịu thuế; áp dụng thuế suất đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; thời hạn nộp thuế, bảo lãnh, đặt cọc số tiền thuế phải nộp; miễn thuế đối với: hàng hóa của tổ chức, cá nhân nước ngoài được hưởng quyền ưu đãi, miễn trừ; hành lý của người xuất cảnh, nhập cảnh; tài sản di chuyển; quà biếu, quà tặng; hàng hóa mua bán, trao đổi của cư dân biên giới; hàng hóa nhập khẩu để gia công, sản phẩm gia công xuất khẩu; hàng hóa xuất khẩu để gia công, sản phẩm gia công nhập khẩu; hàng hóa nhập khẩu để sản xuất hàng hóa xuất khẩu; hàng hóa tạm nhập, tái xuất hoặc tạm xuất, tái nhập trong thời hạn nhất định; hàng hóa nhập khẩu để tạo tài sản cố định của đối

tượng được hưởng ưu đãi đầu tư; hàng hóa nhập khẩu phục vụ hoạt động dầu khí; đóng tàu, tàu biển xuất khẩu; giống cây trồng, giống vật nuôi, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật; hàng hóa nhập khẩu phục vụ nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ; hàng hóa nhập khẩu phục vụ trực tiếp cho an ninh, quốc phòng; hàng hóa nhập khẩu phục vụ trực tiếp cho giáo dục; hàng hóa sản xuất, gia công, tái chế, lắp ráp tại khu phi thuế quan; nguyên liệu, vật tư, linh kiện nhập khẩu để sản xuất, lắp ráp trang thiết bị y tế; nguyên liệu, vật tư, linh kiện nhập khẩu phục vụ trực tiếp cho hoạt động sản xuất sản phẩm công nghệ thông tin, nội dung số, phần mềm; hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu để bảo vệ môi trường; hàng hóa phục vụ hoạt động in, đúc tiền; hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu để phục vụ đảm bảo an sinh xã hội, khắc phục hậu quả thiên tai, thảm họa, dịch bệnh và các trường hợp đặc biệt khác; hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu theo điều ước quốc tế, hàng hóa có trị giá tối thiểu, hàng hóa gửi qua dịch vụ chuyển phát nhanh; thông báo Danh mục hàng hóa miễn thuế dự kiến nhập khẩu đối với các trường hợp thông báo Danh mục miễn thuế; hồ sơ, thủ tục miễn thuế khi làm thủ tục hải quan; giám thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu; hoàn thuế đối với: hàng hóa xuất khẩu phải tái nhập; hàng hóa nhập khẩu phải tái xuất; máy móc, thiết bị, dụng cụ, phương tiện vận chuyển của các tổ chức, cá nhân được phép tạm nhập, tái xuất; hàng hóa nhập khẩu để sản xuất, kinh doanh nhưng đã xuất khẩu sản phẩm; trường hợp người nộp thuế đã nộp thuế nhập khẩu, thuế xuất khẩu nhưng không có hàng hóa nhập khẩu, xuất khẩu hoặc nhập khẩu, xuất khẩu ít hơn so với hàng hóa nhập khẩu, xuất khẩu đã nộp thuế; không hoàn thuế đối với trường hợp có số tiền thuế tối thiểu; miễn thuế nhập khẩu đối với: nguyên liệu, vật tư, linh kiện trong thời hạn 05 năm và hàng hóa không nhằm mục đích thương mại; hiệu lực và trách nhiệm thi hành.

14. Nghị định số 135/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định về thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuê mặt nước.

a) **Hiệu lực thi hành:** 15/11/2016.

b) **Nội dung chủ yếu:** Nghị định gồm 04 điều, sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất và Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước. Cụ thể:

- Đối với Nghị định số 45/2014/NĐ-CP: Sửa đổi, bổ sung khoản 1 và bổ sung khoản 4 vào Điều 4; bổ sung khoản 9 vào Điều 10.

- Đối với Nghị định số 46/2014/NĐ-CP: Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 4; sửa đổi khoản 8, bổ sung khoản 9 và sửa khoản 9 thành khoản 10 Điều 12; bổ sung khoản 4, khoản 5, khoản 6, khoản 7 vào Điều 13; sửa đổi, bổ sung khoản 7, bổ sung khoản 8 vào Điều 15; sửa đổi, bổ sung khoản 1, khoản 3 và bổ sung khoản 9, khoản 10, khoản 11 vào Điều 18; sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 1, bổ sung điểm d vào khoản 3, sửa đổi, bổ sung khoản 8, bổ sung khoản 10 và sửa khoản 10 thành khoản 11 Điều 19; sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 1 Điều 23; sửa đổi, bổ sung khoản 11 và bổ sung khoản 13, khoản 14, khoản 15, khoản 16, khoản 17 vào Điều 31; bổ sung khoản 5, khoản 6 vào Điều 32.

15. Nghị định số 136/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 221/2013/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.

a) Hiệu lực thi hành: 30/10/2016.

Bãi bỏ Điều 5 Nghị định số 221/2013/NĐ-CP ngày 30/12/2013 của Chính phủ quy định chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.

b) Sự cần thiết, mục đích ban hành: Nghị định được ban hành nhằm khắc phục những hạn chế, bất cập của Nghị định số 221/2013/NĐ-CP ngày 30/12/2013 của Chính phủ quy định chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc; bảo đảm khả thi, thống nhất và phù hợp với tình hình thực tiễn.

c) Nội dung chủ yếu: Nghị định gồm 04 điều, sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 221/2013/NĐ-CP ngày 30/12/2013 của Chính phủ quy định chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc. Cụ thể: Sửa đổi, bổ sung: Điều 3; Điều 9; khoản 1 Điều 10; khoản 1 Điều 12; điểm b khoản 1 Điều 13; khoản 1, khoản 2 Điều 24; Điều 27 và bổ sung khoản 3a sau khoản 3 Điều 24.

16. Nghị định số 137/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Hiệp định Thương mại tự do giữa một bên là Nhà nước Cộng hòa xã hội

chủ nghĩa Việt Nam và bên kia là Liên minh Kinh tế Á - Âu và các nước thành viên giai đoạn 2016 - 2018.

a) **Hiệu lực thi hành:** 05/10/2016.

b) **Sự cần thiết, mục đích ban hành:** Nghị định được ban hành để triển khai thi hành và bảo đảm phù hợp với các quy định của Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu.

c) **Nội dung chủ yếu:** Nghị định gồm 06 điều, quy định về thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Hiệp định Thương mại tự do giữa một bên là Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và bên kia là Liên minh Kinh tế Á - Âu và các nước thành viên giai đoạn 2016 - 2018.

Nghị định này áp dụng đối với: (1) Người nộp thuế theo quy định của Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu; (2) Cơ quan hải quan, công chức hải quan; (3) Tổ chức, cá nhân có quyền và nghĩa vụ liên quan đến hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu.

Nghị định ban hành kèm theo Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam và Danh mục hàng hóa áp dụng thuế suất thuế nhập khẩu trong hạn ngạch của Việt Nam để thực hiện Hiệp định Thương mại tự do giữa một bên là Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và bên kia là Liên minh Kinh tế Á - Âu và các nước thành viên giai đoạn 2016 - 2018; quy định cụ thể về điều kiện áp dụng thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt; hiệu lực và trách nhiệm thi hành.

17. Quyết số 36/2016/QĐ-TTg ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ quy định việc áp dụng thuế suất thông thường đối với hàng hóa nhập khẩu.

a) **Hiệu lực thi hành:** 01/09/2016.

b) **Sự cần thiết, mục đích ban hành:** Quyết định được ban hành để triển khai thi hành và bảo đảm phù hợp với các quy định của Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu.

c) **Nội dung chủ yếu:** Quyết định gồm 04 điều, ban hành kèm theo 01 phụ lục, quy định về việc áp dụng thuế suất thông thường đối với hàng hoá nhập khẩu theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 5 Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu năm 2016.

Quyết định này áp dụng đối với: (1) Chủ hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; (2) Tổ chức, cá nhân có quyền và nghĩa vụ liên quan đến hoạt động xuất khẩu,

nhập khẩu hàng hóa; (3) Cơ quan hải quan, công chức hải quan; (4) Cơ quan, tổ chức, cá nhân khác khi thực hiện chính sách thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu theo quy định của Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu.

Quyết định quy định cụ thể về Biểu thuế suất nhập khẩu thông thường đối với hàng hóa nhập khẩu ban hành kèm theo Quyết định này gồm: (1) Danh mục (mô tả hàng hóa và mã hàng 08 chữ số) các mặt hàng có mức thuế suất nhập khẩu ưu đãi bằng 0% quy định tại Mục I, Mục II Phụ lục II Nghị định số 122/2016/NĐ-CP ngày 01/9/2016 của Chính phủ quy định Biểu thuế xuất khẩu, Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi, Danh mục hàng hóa và mức thuế tuyệt đối, thuế hỗn hợp, thuế nhập khẩu ngoài hạn ngạch thuế quan; (2) Mức thuế suất thông thường quy định cho từng mặt hàng tại Biểu thuế suất thông thường đối với hàng hóa nhập khẩu quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Hàng hóa nhập khẩu không có tên trong Danh mục của Biểu thuế suất nhập khẩu thông thường tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này và không thuộc trường hợp hàng hóa nhập khẩu áp dụng thuế suất ưu đãi hoặc thuế suất ưu đãi đặc biệt theo quy định tại điểm a, điểm b khoản 3 Điều 5 Luật thuế xuất khẩu, nhập khẩu năm 2016, thì áp dụng mức thuế suất thông thường bằng 150% mức thuế suất nhập khẩu ưu đãi của từng mặt hàng tương ứng quy định tại Phụ lục II Nghị định số 122/2016/NĐ-CP; tổ chức thực hiện.

18. Quyết số 38/2016/QĐ-TTg ngày 14 tháng 9 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành một số chính sách bảo vệ, phát triển rừng và đầu tư hỗ trợ kết cấu hạ tầng, giao nhiệm vụ công ích đối với các công ty nông, lâm nghiệp.

a) Hiệu lực thi hành: 01/11/2016.

Quyết định này thay thế Quyết định số 147/2007/QĐ-TTg ngày 07/9/2007 của Thủ tướng Chính phủ về một số chính sách phát triển rừng sản xuất giai đoạn 2007 - 2015 và Quyết định số 66/2011/QĐ-TTg ngày 09/12/2011 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 147/2007/QĐ-TTg.

b) Sự cần thiết, mục đích ban hành: Quyết định được ban hành nhằm thay thế Quyết định số 147/2007/QĐ-TTg ngày 07/9/2007 của Thủ tướng Chính phủ về một số chính sách phát triển rừng sản xuất giai đoạn 2007 - 2015 và Quyết định số 66/2011/QĐ-TTg ngày 09/12/2011 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 147/2007/QĐ-TTg đã hết hiệu

lực thi hành; góp phần thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo Quyết định số 899/QĐ-TTg ngày 10/6/2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững”.

c) Nội dung chủ yếu: Quyết định gồm 05 chương, 22 điều, quy định về một số cơ chế, chính sách đối với việc bảo vệ rừng và phát triển ngành lâm nghiệp bền vững.

Quyết định này áp dụng đối với tổ chức, hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng dân cư thôn trong nước hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam thực hiện, bảo vệ và phát triển rừng, khai thác, chế biến lâm sản và đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 1 Nghị định số 118/2014/NĐ-CP ngày 17/12/2014 của Chính phủ về sắp xếp, đổi mới và phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động của công ty nông, lâm nghiệp.

Quyết định quy định cụ thể về quan điểm chỉ đạo phát triển rừng; mục tiêu phát triển rừng; hỗ trợ trồng rừng sản xuất, trồng cây phân tán và khuyến lâm; hỗ trợ trồng rừng phòng hộ, đặc dụng, khoanh nuôi tái sinh rừng, khoán quản lý bảo vệ rừng; hỗ trợ phát triển lâm nghiệp ứng dụng công nghệ cao; quyền và nghĩa vụ của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng khi trồng rừng sản xuất; quyền và nghĩa vụ tổ chức, hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng khi trồng rừng phòng hộ; bảo vệ, khoanh nuôi tái sinh rừng tự nhiên; hỗ trợ đầu tư: trồng và quản lý rừng giống, vườn giống; xây dựng các trung tâm sản xuất giống cây rừng chất lượng cao; vườn ươm giống, đường lâm nghiệp; hỗ trợ chế biến gỗ rừng trồng đặc thù cho các tỉnh nghèo; hỗ trợ đầu tư và đặt hàng đối với các công ty nông lâm nghiệp; nguồn vốn hỗ trợ đầu tư; cơ chế hỗ trợ đầu tư; giải pháp và tổ chức thực hiện.

19. Quyết số 39/2016/QĐ-TTg ngày 16 tháng 9 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc bãi bỏ Quyết định số 67/2011/QĐ-TTg ngày 12 tháng 12 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Quy chế quản lý thống nhất các hoạt động đối ngoại của Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

a) Hiệu lực thi hành: 10/10/2016.

b) Nội dung chủ yếu: Quyết định gồm 03 điều, quy định về việc bãi bỏ Quyết định số 67/2011/QĐ-TTg ngày 12/12/2011 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Quy chế quản lý thống nhất các hoạt động đối ngoại của Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.


20. Quyết số 40/2016/QĐ-TTg ngày 22 tháng 9 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc mở rộng Khu kinh tế cửa khẩu Lào Cai, tỉnh Lào Cai.

a) Hiệu lực thi hành: 15/11/2016.

Bãi bỏ Quyết định số 44/2008/QĐ-TTg ngày 26/3/2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế hoạt động của Khu kinh tế cửa khẩu Lào Cai, tỉnh Lào Cai.

b) Sự cần thiết, mục đích ban hành: Quyết định được ban hành để phù hợp với tình hình thực tế và định hướng phát triển dài hạn, nhằm phát triển Khu kinh tế cửa khẩu Lào Cai trở thành trung tâm thương mại, dịch vụ, du lịch của tỉnh Lào Cai nói riêng và vùng trung du, miền núi phía Bắc nói chung.

c) Nội dung chủ yếu: Quyết định gồm 03 điều, quy định về việc mở rộng Khu kinh tế cửa khẩu Lào Cai; cơ chế, chính sách đối với Khu kinh tế cửa khẩu Lào Cai.

Theo Quyết định, Khu kinh tế cửa khẩu Lào Cai là khu vực có ranh giới địa lý xác định thuộc lãnh thổ và chủ quyền quốc gia, có không gian kinh tế riêng biệt và sau khi điều chỉnh có tổng diện tích là 15.929,8 ha; được tổ chức thành các khu chức năng gồm: Khu phi thuế quan; khu cửa khẩu; khu, cụm công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp; khu giải trí, khu du lịch, khu đô thị, dân cư và các khu chức năng khác phù hợp với quy định của pháp luật và đặc điểm của địa phương. Quy mô, vị trí từng khu chức năng được xác định trong quy hoạch chung xây dựng, quy hoạch phân khu xây dựng và quy hoạch chi tiết Khu kinh tế cửa khẩu Lào Cai. 

Nơi nhận:

- Bộ trưởng (để báo cáo);
- TT Trần Tiến Dũng (để báo cáo);
- Văn phòng Chính phủ;
- Công Thông tin điện tử Chính phủ;
- Báo Điện tử Chính phủ;
- Cục CNTT Bộ Tư pháp (để đăng tải);
- Báo Pháp luật Việt Nam (để đăng tải);
- Vụ PBGDPL;
- Lưu: VT, VP.

**TL. BỘ TRƯỞNG
CHÁNH VĂN PHÒNG**



Đỗ Đức Hiền

